TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 652/2025/QĐST-HNGĐ	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 535/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Phương T**, sinh ngày 18/9/1975, Căn cước công dân: 089175003258 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 28/8/2022.

Nơi thường trú: 7 B, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi ở hiện nay: C7/39AB36 đường P, ấp D, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông **Trần Minh T1**, sinh ngày 25/12/1973, Căn cước công dân: 089073003181 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 28/8/2022.

Nơi thường trú: 7 B, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi ở hiện nay: 82 đường A khu dân cư Đ, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 10 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 10 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn (07) bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Lê Thị Phương T và ông Trần Minh T1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Phương T và ông Trần Minh T1 thuận tình ly hôn với nhau.

Giấy chứng nhận kết hôn số 137, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 25/9/2008 không còn giá trị pháp lý.

2.2. Về con chung: Bà Lê Thị Phương T và ông Trần Minh T1 xác nhận có 02 con chung tên Trần Minh T2, sinh ngày 16/12/1998 và Trần Minh T3, sinh ngày 20/6/2008.

Hiện nay cháu Trần Minh T2 đã thành niên nên bà Lê Thị Phương T và ông Trần Minh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Lê Thị Phương T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Minh T3, sinh ngày 20/6/2008.

Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Lê Thị Phương T và ông Trần Minh T1 về việc bà Lê Thị Phương T không yêu cầu ông Trần Minh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trần Minh T1 có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

2.3. Về tài sản chung: Bà Lê Thị Phương T và ông Trần Minh T1 yêu cầu tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Bà Lê Thị Phương T và ông Trần Minh T1 xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Bà Lê Thị Phương T tự nguyện chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0023862 ngày 07/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Bà Lê Thị Phương T còn được nhận lại số tiền chênh lệch là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- VKSND Khu vực 10 – TP. HCM (1);
- Thi hành án dân sự TP. HCM (1);
- UBND xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (1) ;
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ (1)

THẨM PHÁN

Ngô Thị Thùy Dương

